

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 31-01-2018

V/v tranh chấp: “Ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Hiếu

Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Đình Linh Chi -Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 547/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/01/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Tú D, sinh năm 1990.

HKTT: Ấp 2, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: 106, ấp B, xã B1, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Đình T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Hiện anh Tiên đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N.

(Chị D, anh T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 22/8/2017, các bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị Tú D trình bày:

Chị chung sống với anh Trần Đình T vào năm 2008, trên cơ sở tự nguyện, đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã L,

huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01/2013 ngày 11/7/2013.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên chơi cờ bạc, nghiện hút. Chị và gia đình hai bên đã khuyên can nhiều lần nhưng không được. Từ tháng 05/2014 chị đưa con gái về nhà mẹ ruột ở huyện T sinh sống, vợ chồng chính thức sống ly thân cho đến nay, không hòa giải đoàn tụ lần nào.

Nay chị cương quyết xin ly hôn với anh T vì vợ chồng hết tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài. Hiện nay anh T đang bị tạm giam tại Công an huyện N vì có hành vi trộm cắp tài sản.

- Con chung: có 01 cháu tên là Trần Hoàng Tú T, sinh ngày 21/4/2009. Nếu ly hôn, chị xin tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại các bản khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Đình T trình bày:

Anh và chị D tự nguyện chung sống vào năm 2008, đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện N.

Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị D khai là đúng, anh thừa nhận có chơi cờ bạc và nghiện hút. Nhưng trong thời gian vợ chồng sống chung, anh cũng đi làm lo cho gia đình, mặc dù công việc của anh không ổn định, vợ chồng thỉnh thoảng có bất đồng quan điểm nhưng không quá căng thẳng. Từ khoảng tháng 5 năm 2014 anh và chị D không còn sống chung nhưng anh vẫn qua lại thăm nom vợ con.

Nay anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với chị D.

- Con chung: có 01 cháu tên là Trần Hoàng Tú T, sinh ngày 21/4/2009, nếu Tòa án cho ly hôn thì anh đồng ý giao con cho chị D tạm thời chăm sóc nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý, thu thập chứng cứ, hòa giải, xác định tư cách tố tụng của đương sự, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: chị D và anh T chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chơi cờ bạc nên từ tháng 5/2014 vợ chồng sống ly thân nhau, nay chị D xin ly hôn với anh T, xin nuôi con chung là có căn cứ, đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Hoàng Thị Tú D xin ly hôn với anh Trần Đình T. Anh T cư trú tại ấp 2, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Hoàng Thị Tú D, bị đơn là anh Trần Đình T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Hoàng Thị Tú D chung sống với anh Trần Đình T vào năm 2008, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai (giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01/2013 ngày 11/7/2013) nên hôn nhân trên được xem là hợp pháp.

Tại phiên tòa chị D cương quyết xin ly hôn với anh T và khai nại không còn tình cảm vợ chồng, anh T không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D thì thấy: nguyên nhân mâu thuẫn theo chị D khai là do anh T không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên chơi cờ bạc và nghiện hút. Từ tháng 5/2014 vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay không hòa giải đoàn tụ lần nào. Lời khai này được anh T thừa nhận. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh T đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần cho chị D được ly hôn với anh T là phù hợp pháp luật.

Việc anh T khai còn thương vợ con và mong muốn hòa giải đoàn tụ là không có căn cứ.

[4]. Về con chung, tài sản chung, nợ chung:

Con chung: Chị D và anh T thừa nhận anh chị có 01 con chung là cháu Trần Hoàng Tú T, sinh ngày 11/7/2009. Chị D xin nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng, anh T đồng ý.

Do từ khi chị D và anh T sống ly thân nhau cho đến nay cháu T sống cùng mẹ, vì vậy để đảm bảo cho cháu được phát triển ổn định về thể chất lẫn tinh thần, cần tiếp tục giao con chung cho chị D nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp pháp luật.

Tài sản chung: các đương sự không có nên không giải quyết.

Nợ chung: chị D, anh T khai không có nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị D phải chịu toàn bộ án phí HNGĐ theo quy định.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, 217, 220, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 58, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị Tú D về việc “Ly hôn” đối với anh Trần Đình T.

1. Xử: Cho chị Hoàng Thị Tú D được ly hôn với anh Trần Đình T.

2. Về con chung: Xử giao cháu Trần Hoàng Tú T, sinh ngày 11/7/2009 cho chị D nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị Tú D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001818 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Chị D đã nộp đủ án phí.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã L;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai